

See discussions, stats, and author profiles for this publication at: <https://www.researchgate.net/publication/331984698>

# Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển nông thôn số 2/2015 ĐA DẠNG THÀNH PHẦN LOÀI CHIM Ở KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN BÁN ĐẢO SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Article · March 2019

CITATIONS

0

READS

553

3 authors, including:



[Nguyen Lan Hung Son](#)

Đại học Sư phạm Hà Nội

45 PUBLICATIONS 172 CITATIONS

[SEE PROFILE](#)

Some of the authors of this publication are also working on these related projects:



Using camera trap to discover mammal and rare bird's diverse in Ba Na - Nui Chua Nature Reserve, Da Nang, Viet Nam. [View project](#)



Assessing population status of the red-shanked douc langur (*Pygathrix nemaeus*) in Son Tra Nature Reserve (Peninsula), Da Nang, Viet Nam [View project](#)

# ĐA DẠNG THÀNH PHẦN LOÀI CHIM Ở KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN BÁN ĐẢO SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Nguyễn Lâm Hùng Sơn<sup>1</sup>, Trương Quốc Đại<sup>2</sup>, Bùi Văn Tuấn<sup>3</sup>

<sup>1</sup>Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

<sup>2</sup>Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng

<sup>3</sup>Trung tâm Bảo tồn đa dạng sinh học Nước Việt Xanh (GreenViet)

## TÓM TẮT

Khu bảo tồn thiên nhiên (KBTTN) Bán đảo Sơn Trà là một phần diện tích của bán đảo Sơn Trà với 3 mặt giáp với biển Đông thuộc địa phận hành chính quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng với diện tích quy hoạch 2.591,1 ha. Sơn Trà là một bán đảo nhỏ nằm ở nơi chuyển tiếp sang phía nam vùng phân bố chim Trung Trung Bộ của Việt Nam qua đèo Hải Vân. Qua 4 tháng khảo sát từ tháng 7 đến tháng 11/2014 tại Sơn Trà, chúng tôi đã ghi nhận được khu hệ chim ở đây có 104 loài thuộc 79 giống, 43 họ, 14 bộ. Kết quả này đã bổ sung 41 loài chim ghi nhận mới cho Sơn Trà so với các nghiên cứu trước đây. Trong đó 1 loài có tên trong Danh lục Đỏ IUCN (2014) và Sách Đỏ Việt Nam (2007) ở bậc VU, loài Đuôi cụt bụng đỏ - *Pitta nympha*. 3 loài có tên trong Nghị định 32/2006/NĐ-CP của Chính phủ. Ghi nhận mới cho vùng Trung Trung Bộ loài Đại bàng biển bụng trắng - *Haliaeetus leucogaster*. Loài Cu vằn - *Geopelia striata* được ghi nhận lần thứ hai tại Việt Nam sau ghi nhận đầu tiên loài này ở Bình Thuận (Lê Mạnh Hùng, 2012). Đã ghi nhận được 19 loài chim di cư, 13 loài vừa có chủng quần định cư, vừa có chủng quần di cư theo mùa đến Sơn Trà, trong đó có nhiều cá thể loài Gầm ghi đá - *Columba livia* được đeo vòng đánh dấu từ Trung Quốc di cư tới đây trong mùa di cư năm 2014.

Từ khóa: khu hệ chim, Bán đảo Sơn Trà, ghi nhận mới, di cư.

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Việt Nam có khu hệ chim rất phong phú, cho đến nay đã tìm thấy 887 loài chim, chiếm hơn 9% tổng số loài chim trên toàn thế giới [9,6]. So với các nhóm động vật khác, chim là đối tượng dễ quan sát, phát hiện và hấp dẫn con người bởi sự sắc sảo của bộ lông vũ và sự quyến rũ của tiếng hót. Chính vì vậy, quan sát chim trong thiên nhiên đã trở thành một nhu cầu thiết yếu trong phát triển du lịch sinh thái hiện nay. Các điều tra xác định thành phần loài chim ở mỗi khu vực không chỉ gây hứng thú cho người xem chim mà còn góp phần quan trọng tạo cơ sở khoa học cho công tác quy hoạch, bảo tồn các loài chim hoang dã.

KBTTN Bán đảo Sơn Trà được chính thức thành lập từ năm 1989 theo Quyết định số 2062/QĐ-UB ngày 12/9/1989 của UBND tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng phê duyệt Luận chứng kinh tế kỹ thuật Rừng đặc dụng Sơn Trà, trên cơ sở chuyển đổi Khu rừng cấm bán đảo Sơn Trà (theo Quyết định số 41-TTg ngày 24/01/1977 của Thủ tướng Chính phủ) [3]. KBTTN Bán đảo Sơn Trà cách trung tâm thành phố Đà Nẵng 10 km về phía Đông Bắc. Theo Quyết định 1976/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 30/10/2014 về Quy hoạch hệ thống rừng đặc dụng cả nước đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, KBTTN Bán đảo Sơn Trà có diện tích quy hoạch là 2.591,1 ha, trong đó có 2.320 ha diện tích rừng tự nhiên, 192,1 ha rừng trồng, 79 ha là đất trồng, đồi núi trọc. Nghiên cứu về khu hệ động vật ở đây chủ yếu tập trung vào các loài linh trưởng như loài Chà vá chân nâu (*Pygathrix nemaeus*), Khỉ vàng (*Macaca mulatta*). Năm 1997 trong đề tài Nghiên cứu đa dạng sinh học chung ở Sơn Trà của Đinh Thị Phương Anh và cs. (1997) [1] có đưa ra danh sách các loài chim ghi nhận ban đầu ở Sơn Trà. Gần như, cho đến nay chưa có một nghiên cứu đầy đủ, hệ thống nào về khu hệ chim ở đây.

## 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- Thời gian, địa điểm nghiên cứu: Nghiên cứu được tiến hành từ tháng 7 đến tháng 11/2014 tại KBTTN Bán đảo Sơn Trà, có tọa độ địa lý: 16<sup>0</sup>06' - 16<sup>0</sup>09' vĩ độ Bắc, 108<sup>0</sup>13' - 108<sup>0</sup>21' kinh độ Đông. KBTTN Bán đảo Sơn Trà là một phần của Vùng sinh thái Trường Sơn - một trong 200 vùng sinh thái tiêu biểu toàn cầu, là nơi trú ngụ của nhiều loài sinh vật độc đáo nhưng đang đứng trước nguy cơ bị đe dọa. Bán đảo Sơn Trà nằm ngang theo hướng Đông Tây và nối với đất liền vùng nội thị của thành phố Đà Nẵng. Khối núi có chiều dài 13 km, chỗ rộng nhất 5 km, hẹp nhất 1,5 km. Các sườn núi chạy theo hướng Bắc Nam có độ dốc lớn từ 25<sup>0</sup> - 30<sup>0</sup>, sườn Đông Bắc dốc hơn sườn Tây Nam. Địa hình của KBTTN Sơn Trà bị chia cắt mạnh bởi hệ thống kênh suối. Đỉnh cao nhất bán đảo Sơn Trà là đỉnh Ốc cao 696m, đỉnh truyền hình cao 647m, đỉnh 3 quả cầu thuộc Trạm Rada 29 cao

621m. Chúng tôi tiến hành khảo sát trên 9 tuyến, trong đó 5 tuyến trên sinh cảnh rừng tự nhiên ít bị tác động, 2 tuyến đi qua sinh cảnh trảng cỏ, cây bụi, khu dân cư và 2 tuyến ven biển dọc theo các bãi đá, bãi cát.

- *Vật liệu nghiên cứu*: Chúng tôi sử dụng các thiết bị quan sát chim hiện đại như ống nhòm Steiner 10 x 40 (Đức), ống Fieldsopes Nikon có gắn chân, máy ảnh Nikon D300 kết nối ống tele nikon 400 có ống nối hoặc nối vào ống fieldsopes để chụp ảnh chim từ xa. Sử dụng máy định vị toàn cầu GPS Garmin 62 CX để xác định tọa độ các điểm nghiên cứu.

- *Phương pháp nghiên cứu chính*: Chúng tôi sử dụng các phương pháp thường quy trong nghiên cứu chim ngoài thực địa như: quan sát chim ngoài tự nhiên có sử dụng thiết bị quang học, phương pháp phỏng vấn qua phiếu hỏi, phương pháp thống kê sinh học. Ngoài thực địa, để định loại nhanh các loài chim, chúng tôi có sử dụng một số sách định loại có ảnh màu minh họa: Nguyễn Cử và nnk. (2005) [5], Craig Robson (2011) [8], Morten Strange (2002) [10]. Danh lục chim được sắp xếp theo hệ thống đề xuất bởi Sibley-Ahlquist-Monroe (SAM) được sử dụng trong Danh lục chim Việt Nam (Nguyễn Lâm Hùng Sơn, Nguyễn Thanh Vân, 2011) [9].

### 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

#### 3.1. Thành phần loài chim

Qua quá trình điều tra, khảo sát tại KBTTN Bán đảo Sơn Trà, chúng tôi đã xác định được 104 loài chim thuộc 79 giống, 43 họ, 14 bộ. Danh mục thành phần loài chim được thể hiện trong bảng 1.

**Bảng 1.** Danh mục thành phần loài chim ở KBTTN Bán đảo Sơn Trà

TT	Tên phổ thông và tên tiếng Anh	Tên khoa học	Nguồn	Đặc điểm di trú
<b>I</b>	<b>BỘ GÀ</b>	<b>GALLIFORMES</b>		
	<b>1. Họ Trĩ</b>	<b>Phasianidae</b>		
1	Cay trung quốc Asian Blue Quail	<i>Coturnix chinensis</i> Linnaeus, 1766	QS	R
2	Gà rừng Red junglefowl	<i>Gallus gallus</i> (Linnaeus, 1758)	QS, A	R
<b>II</b>	<b>BỘ HẠC</b>	<b>CICONIIFORMES</b>		
	<b>2. Họ Diệc</b>	<b>Ardeidae</b>		
3	Cò lùn hung Cinnamon bittern	<i>Ixobrychus cinnamomeus</i> (J.F.Gmelin, 1789)	QS	R
4	Cò xanh Straited heron	<i>Butorides striata</i> (Linnaeus, 1758)	QS	R, M
5	Cò bọ Chinese Pond Heron	<i>Ardeola bacchus</i> (Bonaparte, 1855)	QS, A	R
6	Cò ruồi Cattle Egret	<i>Bubulcus ibis</i> (Linnaeus, 1758)	QS, A	R
7	Cò ngàng nhỏ Intermediate Egret	<i>Egretta intermedia</i> Wagler, 1827	QS, A	R
8	Cò trắng Little Egret	<i>Egretta garzetta</i> (Linnaeus, 1766)	QS, A	R
<b>III</b>	<b>BỘ CẮT</b>	<b>FALCONIFORMES</b>		
	<b>3. Họ Cắt</b>	<b>Falconidae</b>		
9	Cắt bụng hung Oriental Hobby	<i>Falco severus</i> Horsfield, 1821	QS, TK	R
<b>IV</b>	<b>BỘ ỪNG</b>	<b>ACCIPITRIFORMES</b>		
	<b>4. Họ Ó cá</b>	<b>Pandionidae</b>		
10	Ó cá Osprey	<i>Pandion haliaetus</i> (Linnaeus, 1758)	QS	M
	<b>5. Họ Ưng</b>	<b>Accipitridae</b>		

11	Diều ăn ong Oriental honey-buzzard	<i>Pernis ptilorhynchus</i> Temminck, 1821	QS, A	R, M
12	Diều hâu Black kite	<i>Milvus migrans</i> (Boddaert, 1783)	QS	R, M
13	Diều hoa miến điện Crested serpent eagle	<i>Spilornis cheela</i> Latham, 1790	QS, A	R
14	Ứng xám Shikra	<i>Accipiter badius</i> Gmelin, 1788	QS, A	R
15	Đại bàng ma lai Indian Black Eagle	<i>Ictinaetus malayensis</i> (Temminck, 1822)	QS, A	R
16	Đại bàng biển bụng trắng White- Bellied Sea Eagle	<i>Haliaeetus leucogaster</i> (Gmelin, 1758)	QS	R
<b>V</b>	<b>BỘ SẾU</b>	<b>GRUIFORMES</b>		
	<b>6. Họ Gà nước</b>	<b>Rallidae</b>		
17	Gà nước vân Slaty-breasted Rail	<i>Gallirallus striatus</i> (Linnaeus, 1766)	QS	R
18	Cuốc lùn Baillon's Crake	<i>Porzana pusilla</i> (Pallas, 1776)	QS	M
<b>VI</b>	<b>BỘ RỄ</b>	<b>CHARADRIIFORMES</b>		
	<b>7. Họ Chối</b>	<b>Charadriidae</b>		
19	Chối nhỏ Little Ringed Plover	<i>Charadrius dubius</i> Scopoli, 1786	QS, A	R, M
20	Chối mỏ nhỏ Lesser Sand Plover	<i>Charadrius mongolus</i> Pallas, 1776	QS	M
	<b>8. Họ Rẽ</b>	<b>Scolopacidae</b>		
21	Rẽ giun á châu Pintail Snipe	<i>Gallinago stenura</i> (Bonaparte, 1830)	QS	M
<b>VII</b>	<b>BỘ BÒ CẦU</b>	<b>COLUMBIFORMES</b>		
	<b>9. Họ Bò câu</b>	<b>Columbidae</b>		
22	Ghà ghi đá Rock Pigeon	<i>Columba livia</i> Gmelin, 1789	QS, A	M
23	Cu ngói Red Turtle Dove	<i>Streptopelia tranquebarica</i> (Hermann, 1804)	QS, A	R
24	Cu gáy Spotted-necked dove	<i>Streptopelia chinensis</i> (Scopoli, 1768)	QS, A	R
25	Cu luồng Emerald Dove	<i>Chalcophaps indica</i> (Linnaeus, 1758)	QS, A	R
26	Cu vằn Zebra Dove	<i>Geopelia striata</i> (Linnaeus, 1766)	QS	M
27	Cu xanh đầu xám Pink-necked Green Pigeon	<i>Treron vernans</i> (Linnaeus, 1758)	QS, A	R
28	Cu xanh khoang cổ Orange-breasted Green Pigeon	<i>Treron bicinctus</i> (Jerdon, 1840)	QS, A	R
29	Cu xanh mỏ quặp Thick-billed green pigeon	<i>Treron curvirostra</i> (Gmelin, 1789)	QS, A	R
<b>VIII</b>	<b>BỘ CU CU</b>	<b>CUCULIFORMES</b>		
	<b>10. Họ Cu cu</b>	<b>Cuculidae</b>		
30	Chèo chèo lớn Large hawk-cuckoo	<i>Cuculus sparveroides</i> Vigors, 1832	QS	R, M

**KHOA HỌC CÔNG NGHỆ**

31	Tìm vịt Plaintive cuckoo	<i>Cacomantis merulinus</i> (Scopoli, 1786)	QS,TK	R
32	Phướn/Cọoc Green-bellied malkoha	<i>Rhopodytes tristis</i> (Lesson, 1830)	QS, A	R
33	Bìm bịp lớn Greater coucal	<i>Centropus sinensis</i> (Stephens, 1815)	TK, QS	R
34	Bìm bịp nhỏ Lesser coucal	<i>Centropus bengalensis</i> (Gmelin, 1788)	QS,TK	R
<b>IX</b>	<b>BỘ CÚ</b>	<b>STRIGIFORMES</b>		
	<b>11. Họ Cú mèo</b>	<b>Strigidae</b>		
35	Cú vọ lưng nâu Brown Hawk-owl	<i>Ninox scutulata</i> Raffles, 1822	QS, A	R, M
<b>X</b>	<b>BỘ CÚ MUỖI</b>	<b>CAPRIMULGIFORMES</b>		
	<b>12. Họ Cú muỗi</b>	<b>Caprimulgidae</b>		
36	Cú muỗi đuôi dài Large-tailed Nightja	<i>Caprimulgus macrurus</i> Horsfield, 1821	QS, TK	R
<b>XI</b>	<b>BỘ YẾN</b>	<b>APODIFORMES</b>		
	<b>13. Họ Yến</b>	<b>Apodidae</b>		
37	Yến tổ trắng German's Swiftlet	<i>Aerodramus germani</i> Oustalet, 1876	QS	R
<b>XII</b>	<b>BỘ SÀ</b>	<b>CORACIIFORMES</b>		
	<b>14. Họ Sà rùng</b>	<b>Coraciidae</b>		
38	Yêng quạ Dollarbird	<i>Eurystomus orientalis</i> Linnaeus, 1766	QS, A	R
	<b>15. Họ Bói cá</b>	<b>Alcedinidae</b>		
39	Sà đầu nâu White-throated Kingfisher	<i>Halcyon smyrnensis</i> (Linnaeus, 1758)	QS, A	R
40	Bồng chanh tai xanh Blue-eared Kingfisher	<i>Acedo meninting</i> Horsfield, 1821	QS, A	R
41	Bồng chanh Common kingfisher	<i>Alcedo atthis</i> (Linnaeus, 1758)	QS, A	R
	<b>16. Họ Trâu</b>	<b>Meropidae</b>		
42	Trâu đầu hung Green Bee-eater	<i>Merops orientalis</i> Latham, 1802	QS, A	R
43	Trâu ngực nâu Blue-throated Bee-eater	<i>Merops philippinus</i> Linnaeus, 1766	QS, A	R, M
	<b>17. Đầu riu</b>	<b>Upupidae</b>		
44	Đầu riu Common Hoopoe	<i>Upupa epops</i> Linnaeus, 1758	QS, A	R, M
<b>XIII</b>	<b>BỘ GỖ KIẾN</b>	<b>PICIFORMES</b>		
	<b>18. Họ Cu róc</b>	<b>Ramphastidae</b>		
45	Thầy chùa đầu xám Green-eared barbet	<i>Megalaima faiostriata</i> (Temminck, 1831)	QS, A	R
	<b>19. Họ Gõ kiến</b>	<b>Picidae</b>		
46	Gõ kiến xanh bụng vàng Laced Woodpecker	<i>Picus vittatus</i> Vieillot, 1818	QS, A	R
<b>XIV</b>	<b>BỘ SẼ</b>	<b>PASSERIFORMES</b>		
	<b>20. Họ Đuôi cụt</b>	<b>Pittidae</b>		
47	Đuôi cụt bụng đỏ	<i>Pitta nympha</i> Temminck&Schlegel,	QS, A	M

	Fairy Pitta	1850		
	<b>21. Họ Bách thanh</b>	<b>Laniidae</b>		
48	Bách thanh nâu Brown Shrike	<i>Lanius cristatus</i> Linnaeus, 1758	QS, A	M
	<b>22. Họ Vàng anh</b>	<b>Oriolidae</b>		
49	Vàng anh đầu đen Black-hoode Oriole	<i>Oriolus xanthornus</i> (Linnaeus, 1758)	QS, TK	R
	<b>23. Họ Chèo bẻo</b>	<b>Dicruridae</b>		
50	Chèo bẻo đen Black drongo	<i>Dicrurus macrocercus</i> (Vieillot, 1817)	QS	R, M
51	Chèo bẻo xám Ashy drongo	<i>Dicrurus leucophaeus</i> Vieillot, 1817	QS	R, M
52	Chèo bẻo bờm Hair-crested drongo	<i>Dicrurus hottentottus</i> (Linnaeus, 1766)	QS, A	R, M
53	Chèo bẻo cờ đuôi chẻ Greater Racket-tailed Drongo	<i>Dicrurus paradiseus</i> Linnaeus, 1766	QS, A	R
	<b>24. Họ Rẻ quạt</b>	<b>Rhipiduridae</b>		
54	Rẻ quạt họng trắng White-throated fantail	<i>Rhipidura albicollis</i> (Vieillot, 1818)	QS	R
	<b>25. Họ Thiên đường</b>	<b>Monarchidae</b>		
55	Đớp ruồi xanh gáy đen Black-naped monarch	<i>Hypothymis azurea</i> (Boddaert, 1783)	QS, A	R
	<b>26. Họ Quạ</b>	<b>Corvidae</b>		
56	Chim khách Racquet-tailed Treepie	<i>Crypsirina temia</i> (Đauin, 1800)	QS, A	R
	<b>27. Họ Nhạn</b>	<b>Hirundinidae</b>		
57	Nhạn bụng trắng Barn swallow	<i>Hirundo rustica</i> Linnaeus, 1758	QS	R, M
58	Nhạn hông trắng á châu Asian House Martin	<i>Delichon dasypus</i> (Bonaparte, 1850)	QS	M
	<b>28. Họ Sơn ca</b>	<b>Alaudidae</b>		
59	Sơn ca Oriental skylark	<i>Alauda gulgula</i> Franklin, 1831	QS, TK	R
	<b>29. Họ Chiền chiện</b>	<b>Cisticolidae</b>		
60	Chiền chiện bụng hung Plain prinia	<i>Prinia inornata</i> Sykes, 1832	QS, A	R
61	Chích bông đuôi dài Common tailorbird	<i>Orthotomus sutorius</i> (Pennant, 1769)	QS	R
62	Chích bông cánh vàng Dark-necked Tailorbird	<i>Orthotomus atrogularis</i> Temminck, 1836	QS, A	R
	<b>30. Họ Chào mào</b>	<b>Pycnonotidae</b>		
63	Chào mào vàng đầu đen Black-headed bulbul	<i>Pycnonotus atriceps</i> (Temminck, 1822)	QS	R
64	Chào mào Red-whiskered bulbul	<i>Pycnonotus jocosus</i> (Linnaeus, 1758)	QS, A, TK	R
65	Bông lau tai trắng Sooty-headed bulbul	<i>Pycnonotus aurigaster</i> (Vieillot, 1818)	QS	R
66	Bông lau họng vạch Stripe-throated Bulbul	<i>Pycnonotus finlaysoni</i> Strickland, 1844	QS, A, TK	R

67	Cành cách lớn Puff-throated bulbul	<i>Alophoixus pallidus</i> (Swinhoe, 1870)	QS, A, Ma	R
68	Cành cách nhỏ Grey-eyed Bulbul	<i>Iole propinqua</i> (Oustalet, 1903)	QS	R
	<b>31. Họ Chích phylo</b>	<b>Phylloscopidae</b>		
69	Chích mày lớn Yellow-browed warbler	<i>Phylloscopus inornatus</i> (Blyth, 1842)	QS, A	M
	<b>32. Họ Khướu</b>	<b>Timaliidae</b>		
70	Chuối tiêu đất Buff-breasted babbler	<i>Pellorneum tickelli</i> (Blyth, 1859)	QS	R
71	Chích chạch má vàng Striped tit-babbler	<i>Macronous gularis</i> (Horsfield, 1822)	QS, A, Ma	R
72	Khướu khoang cổ Lesser necklaced laughing-thrush	<i>Garrulax monileger</i> Hodgson, 1836	QS	R
73	Khướu bạc má Black-throated laughing-thrush	<i>Garrulax chinensis</i> (Scopoli, 1786)	QS, TK	R
74	Họa mi Melodious laughing-thrush	<i>Garrulax canorus</i> (Linnaeus, 1758)	QS, TK	R
75	Kim oanh tai bạc Silver-eared mesia	<i>Leiothrix argentauris</i> (Hodgson, 1837)	QS,TK	R
	<b>33. Họ Vành khuyên</b>	<b>Zosteropidae</b>		
76	Vành khuyên họng vàng Oriental White-eye	<i>Zosterops palpebrosus</i> (Temminck, 1824)	QS, A, TK	R
	<b>34. Họ Chim lam</b>	<b>Irenidae</b>		
77	Chim lam Asian Fairy-bluebird	<i>Irena puella</i> (Latham, 1790)	QS	R
	<b>35. Họ Sáo</b>	<b>Sturnidae</b>		
	<b>Phân họ Sáo</b>	<b>Sturninae</b>		
78	Yêng/ Nhông Hill myna	<i>Gracula religiosa</i> Linnaeus, 1758	QS	R
79	Sáo mỏ vàng Great myna	<i>Acridotheres grandis</i> F.Moore, 1858	QS	R
80	Sáo nâu Common Myna	<i>Acridotheres tristis</i> (Linnaeus, 1766)	QS	R
81	Sáo đá đầu trắng Red-billed Starling	<i>Sturnus sericeus</i> Gmelin, 1789	QS	M
	<b>36. Họ Hoét</b>	<b>Turdidae</b>		
82	Hoét bụng trắng Japanese Thrush	<i>Turdus cardis</i> Temminck, 1831	QS	M
	<b>37. Họ Đớp ruồi</b>	<b>Muscicapidae</b>		
83	Chích chòe Oriental magpie-robin	<i>Copsychus saularis</i> (Linnaeus, 1758)	QS, A	R
84	Chích chòe lửa White-rumped shama	<i>Copsychus malabaricus</i> (Scopoli, 1788)	QS, TK	R
85	Chích chòe nước trán trắng Slaty-backed forktail	<i>Enicurus schistaceus</i> (Hodgson, 1836)	QS	R
86	Sẻ bụi đầu đen Eastern Stonechat	<i>Saxicola maurus</i> (Pallas, 1773)	QS, A	R
87	Hoét đá	<i>Monticola solitarius</i> (Linnaeus, 1758)	QS, A	R

	Blue Rock Thrush			
88	Đớp ruồi sibêri Dark-sided Flycatcher	<i>Muscicapa sibirica</i> Gmelin, 1789	QS, A	M
89	Đớp ruồi nâu Asian Brown Flycatcher	<i>Muscicapa dauurica</i> Pallas, 1811	QS, A	M
90	Đớp ruồi đuôi hung Ferruginous flycatcher	<i>Muscicapa ferruginea</i> (Hodgson, 1845)	QS, A	M
91	Đớp ruồi nhật bản Blue-and-white flycatcher	<i>Cyanoptila cyanomelana</i> (Temminck, 1829)	QS	M
92	Đớp ruồi họng hung Hill Blue Flycatcher	<i>Cyornis banyumas</i> (Horsfield, 1821)	QS, A	R
93	Đớp ruồi họng vàng Tickell's Blue Flycatcher	<i>Cyornis tickelliae</i> Blyth, 1843	QS, A	R
94	Đớp ruồi cằm xanh Blue-throated Blue Flycatcher	<i>Cyornis rubeculoides</i> (Vigors, 1831)	QS, A Ma	R
	<b>38. Họ Chim xanh</b>	<b>Chloropseidae</b>		
95	Chim xanh nam bộ Blue-winged leafbird	<i>Chloropsis cochinchinensis</i> Gmelin, 1789	QS	R
	<b>39. Họ Chim sâu</b>	<b>Dicaeidae</b>		
96	Chim sâu lưng đỏ Scarlet-backed Flowerpecker	<i>Dicaeum cruentatum</i> (Linnaeus, 1758)	QS, A Ma	R
	<b>40. Họ Hút mật</b>	<b>Nectariniidae</b>		
97	Hút mật họng nâu Brown-throated Sunbird	<i>Anthreptes malacensis</i> (Scopoli, 1786)	QS, A	R
98	Hút mật đỏ Crimson sunbird	<i>Aethopyga siparaja</i> (Raffles, 1822)	QS, A	R
	<b>41. Họ Sẻ</b>	<b>Passeridae</b>		
99	Sẻ Eurasian tree sparrow	<i>Passer montanus</i> (Linnaeus, 1758)	QS, A	R
	<b>42. Họ Chim di</b>	<b>Estrildidae</b>		
	<b>Phân họ Chim di</b>	<b>Lonchurinae</b>		
100	Di cam White-rumped munia	<i>Lonchura striata</i> (Linnaeus, 1766)	QS	R
	<b>43. Họ Chìa vôi</b>	<b>Motacillidae</b>		
101	Chìa vôi núi Grey Wagtail	<i>Motacilla cinerea</i> Tunstall, 1771	QS, A	M
102	Chìa vôi trắng White Wagtail	<i>Motacilla alba</i> Linnaeus, 1758	QS, A	M
103	Chim manh lớn Richard's pipit	<i>Anthus richardi</i> Vieillot, 1818	QS	R, M
104	Chim manh vân nam Olive-backed Pipit	<i>Athus hodgsoni</i> Richmond, 1907	QS	M

**Ghi chú:** QS. Quan sát, A. Chụp được ảnh, TK. Ghi âm được tiếng kêu, Ma. Thu được mẫu bằng lưới mờ, R. Chim định cư, M. Chim di cư.

Trong số 104 loài ghi nhận được tại KBTTN Bán đảo Sơn Trà, có 57 loài đã chụp được ảnh ngoài thực địa, 14 loài ghi âm được tiếng kêu và 4 loài thu mẫu qua phương pháp bắt thả bằng lưới mờ. Xét về hiện trạng cư trú được xác định với các loài chim ở Việt Nam theo Danh lục Chim Việt Nam [9], thì khu hệ chim ở KBTTN Bán đảo Sơn Trà có đến 72 loài chim định cư, 19 loài chim di cư và đặc biệt có 13 loài chim vừa có



chúng quần định cư, vừa có chúng quần di cư theo mùa đến khu vực nghiên cứu. Đáng lưu ý trong danh sách thành phần loài ở đây đã phát hiện mở rộng vùng phân bố loài Đại bàng biển bụng trắng - *Haliaeetus leucogaster* (Gmelin, 1758), vốn chỉ xác định phân bố ở vùng Đông Bắc, Nam Trung bộ và Nam Bộ nhưng nay lần đầu tiên ghi nhận ở Sơn Trà (vùng Trung Trung bộ). Một loài chim nữa, loài Cu vằn - *Geopelia striata* (Linnaeus, 1766), được Lê Mạnh Hùng chụp ảnh ghi nhận lần đầu tiên cho Việt Nam ở Bình Thuận vào năm 2012, nay tiếp tục được ghi nhận lần thứ hai ở Việt Nam tại Bán đảo Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Loài Cu vằn trước đây chỉ ghi nhận phân bố ở Lào, Thái Lan, Malayxia, Indonexia, Philippin. Chúng tôi quan sát thấy loài ở bãi cát ven biển khu Bãi Đá Đen, bán đảo Sơn Trà vào tháng 10/2014.

So sánh với kết quả nghiên cứu trước đây về thành phần loài chim ở KBTTN Bán đảo Sơn Trà (Đình Thị Phương Anh và cs., 1997) [1], chỉ có 22 loài (21.1%) tổng số các loài chim được ghi nhận lại trong nghiên cứu. Có 41 loài các tác giả đã công bố trước đây không được ghi nhận lại, đặc biệt là loài Gà tiền mặt đỏ (*Polyplectron germaini*), một loài nằm trong danh lục các loài nguy cấp, quý hiếm cần được bảo vệ nghiêm ngặt. Điều này cũng có thể được giải thích do thời điểm nghiên cứu năm 1997, diện tích khu bảo tồn lớn hơn khá nhiều. Năm 1989, theo Dự án đầu tư được xây dựng cho KBTTN Bán đảo Sơn Trà, diện tích quy hoạch cho khu bảo tồn là 4.439ha (được UBND tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng phê chuẩn ngày 12/9/1989 và Bộ Lâm nghiệp (cũ) phê chuẩn năm 1992). Kết quả nghiên cứu này đã ghi nhận mới bổ sung thêm 41 loài cho danh lục thành phần loài chim ở KBTTN Bán đảo Sơn Trà.

### 3.2. Đa dạng cấu trúc thành phần loài chim

Cấu trúc thành phần loài chim ở bán đảo Sơn Trà thể hiện sự đa dạng của các kiểu sinh cảnh. Khu hệ chim ở đây với đặc trưng là khu hệ chim rừng núi thấp, nhưng cũng bổ sung nhiều loài chim ven biển, đặc biệt là có nhiều loài chim di cư. Riêng về các loài chim ăn thịt ban ngày đã có 8 loài và 1 loài chim ăn thịt ban đêm thuộc bộ Cú (loài Cú vọ lưng nâu - *Ninox scutulata*). Các loài chim ăn thịt thường đứng ở trên đỉnh của tháp năng lượng và thường được coi là những loài chỉ thị ưu tiên bảo tồn (umbrella species). Khi bảo tồn những loài này đồng nghĩa gián tiếp bảo vệ các loài trong chuỗi và lưới thức ăn của hệ sinh thái. Bên cạnh đó, đặc trưng của khu hệ chim ở Sơn Trà là các loài chim trong Bộ Bò câu với 8 loài đã được ghi nhận. Sự phong phú của các loài cây ăn quả ở bán đảo Sơn Trà không chỉ là nguồn thức ăn dồi dào cho sự phát triển của các loài linh trưởng như Chà vá chân nâu mà còn là nơi kiếm ăn trú ngụ của nhiều loài chim ăn quả với quần thể khá đông, trong đó có các loài chim di cư đến theo mùa. Đáng lưu ý trong các loài chim di cư được ghi nhận ở Sơn Trà là loài Gà ghi đá - *Columba livia*. Loài này trước đây mới được ghi nhận ở vùng Bắc Trung bộ và là loài định cư [9]. Tuy nhiên, qua quan sát nhiều cá thể loài này do người dân ở Sơn Trà thu năm 2014 đều được đeo vòng đánh dấu với mã vòng của Trung Quốc đeo năm 2014. (CHN 2014). Nhiều cá thể được bắt thả đánh dấu nhiều lần với 2 - 3 vòng khác nhau đeo ở chân. Với ghi nhận này, đã khẳng định vùng Trung Trung bộ là vùng phân bố của loài Gà ghi đá, đồng thời bước đầu khẳng định đây là loài di cư đến Việt Nam từ Trung Quốc. Trong các loài chim nước quan sát thấy ở Sơn Trà, thì quần thể Cò trắng - *Egretta garzetta* chiếm số lượng đông nhất.

Trong số 104 loài chim xác định được ở khu vực nghiên cứu đã xác định có 4 loài chim có giá trị bảo tồn ưu tiên. Trong đó có 1 loài có tên trong Danh lục Đỏ IUCN (2014) [14] và Sách Đỏ Việt Nam (2007) [6] ở bậc VU đó là loài Đuôi cụt bụng đỏ (*Pitta nympha* Temmick & Schlegel, 1850). 3 loài chim còn lại có tên trong Nghị định 32/2006/NĐ-CP của Chính phủ [5] về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm ở nhóm IIB (những loài hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại, gồm những loài thực vật rừng, động vật rừng có giá trị về khoa học, môi trường hoặc có giá trị cao về kinh tế, số lượng quần thể còn ít trong tự nhiên hoặc có nguy cơ tuyệt chủng) bao gồm Điều hoa miến điện - *Spilornis cheela* Latham, 1790; Yểng - *Gracula religiosa* Linnaeus, 1758; Chích chòe lửa - *Copsychus malabarichus* (Scopoli, 1788).

### 4. KẾT LUẬN

- Đã ghi nhận được khu hệ chim ở KBTTN Bán đảo Sơn Trà có 104 loài thuộc 79 giống, 43 họ, 14 bộ. Kết quả này đã bổ sung 41 loài chim ghi nhận mới cho Sơn Trà so với các nghiên cứu trước đây. Trong đó 1 loài có tên trong Danh lục Đỏ IUCN (2014) và Sách Đỏ Việt Nam (2007) ở bậc VU, loài Đuôi cụt bụng đỏ - *Pitta nympha*. 3 loài có tên trong Nghị định 32/2006/NĐ-CP của Chính phủ.

- Ghi nhận mới cho vùng Trung Trung Bộ loài Đại bàng biển bụng trắng - *Haliaeetus leucogaster*. Ghi nhận lần thứ hai ở Việt Nam loài Cu vằn - *Geopelia striata* tại bán đảo Sơn Trà vốn được ghi nhận lần đầu tại Bình Thuận vào năm 2012.

- Khu hệ chim ở đây có 72 loài chim định cư, 19 loài chim di cư và 13 loài chim vừa có chủng quần định cư, vừa có chủng quần di cư theo mùa đến khu vực nghiên cứu. Kháng định vùng Trung Trung bộ là vùng phân bố của loài Ghàn ghi đá, đồng thời bước đầu kháng định đây là loài di cư đến Việt Nam từ Trung Quốc qua kí hiệu vòng đánh dấu đeo ở chân của nhiều cá thể.

#### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Đinh Thị Phương Anh và nnk., 1997. Điều tra khu hệ động thực vật và nhân tố ảnh hưởng, đề xuất phương án bảo tồn sử dụng hợp lý KBTTN Bán đảo Sơn Trà. *Báo cáo đề tài NCKH cấp thành phố Đà Nẵng*.
2. Bộ Khoa học và Công nghệ, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, 2007. *Sách Đỏ Việt Nam (Phần I. Động vật)*. Nxb. Khoa học Tự nhiên và Công nghệ.
3. Chi cục Kiểm lâm tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng, 1989. *Dự án đầu tư xây dựng Khu bảo tồn thiên nhiên Bán đảo Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng*.
4. Chính phủ Việt Nam, 2006. *Nghị định số 32/2006/NĐ-CP ngày của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm*.
5. Nguyễn Cừ, Lê Trọng Khải, Karen Phillipps, 2000. *Chim Việt Nam*. Nxb. Lao động - Xã hội, Hà Nội.
6. Dickinson E.C. (editor), 2003. *The Howard and Moore. Complete checklist of the birds of the world*, 3<sup>rd</sup> edition. Princeton University Press, Princeton, New Jersey.
7. IUCN, 2014. The IUCN Red List of Threatened Species, version 2013.2, source: <http://www.iucnredlist.org/search>
8. Robson C., 2011. *A field guide to the birds of South-east Asia*, New Holland Publishers.
9. Nguyễn Lân Hùng Sơn, Nguyễn Thanh Vân, 2011. *Danh mục chim Việt Nam*. Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.
10. Strange Morten, 2002. *A Photographic Guide to the Birds of Southeast Asia, including the Philippines and Borneo*. Christopher Helm, London.

## **A PRELIMINARY SURVEY OF THE AVIFAUNA OF SON TRA PENINSULA NATURE RESERVE, DA NANG CITY**

**Nguyen Lan Hung Son\*, Truong Quoc Dai, Bui Van Tuan  
Summary**

Son Tra Peninsula Nature Reserve is a part of Son Tra peninsula with 3 sides with the Da Nang sea bay is located in Son Tra district, Da Nang city with a planned area of 2591.1 ha. Son Tra is a small peninsula located in the south where the transition to the distribution of birds Mid-Central Vietnam through Hai Van Pass of Truong Son mountain. After 4 months of the survey from July to August 2014 at Son Tra, we recorded 104 bird species belonging to 79 genus, 43 families and 14 orders. This result has added 41 new bird species recorded for Son Tra compared with previous studies. There is one species was listed in the IUCN Red List (2014) and the Vietnam Red Data Book (2007) at VU, Fairy Pitta - *Pitta nympha*. 3 species listed in Decree 32/2006/ND-CP of the Vietnam Government. New record for Mid-central Vietnam is White-bellied Sea Eagle - *Haliaeetus leucogaster*. Confirmed Zebra Dove - *Geopelia striata* is migratory bird species from China and first record this species distributed in Mid-central Vietnam. Recorded 72 resident species, 19 migratory bird species, 13 species including resident and migratory populations.

Keywords: *Avifauna, Son Tra Peninsula, new record, migratory birds.*

Người phản biện: TS. Nguyễn Cừ